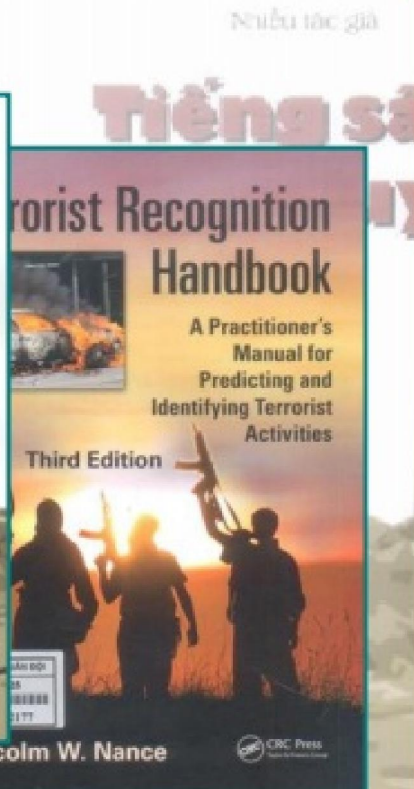
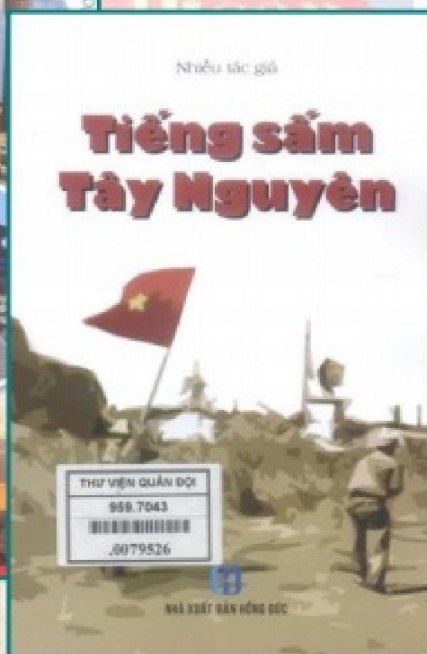
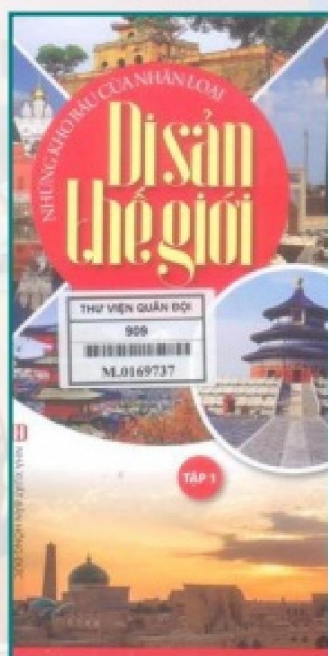




TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

-0880-



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{1}{2019}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Thực hiện:
Thiếu tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương
Thiếu tá CN Nguyễn Thị Thu Hà
Trung úy CN Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá CN Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 1 - 2019.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới; giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, luận văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Website: <http://tvqd.bqp> (mạng QS)

<http://thuvienquandoi.vn> (mạng Internet)

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Tvqd@tttt.bqp.vn

Thuvienquandoi@gmail.com

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 1/2019 giới thiệu 295 tài liệu, bằng 02 ngôn ngữ Việt và Anh, trong đó có 231 tài liệu tiếng Việt và 64 tài liệu tiếng Anh, được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 02 tài liệu
- Triết học, cận tâm lý học và thuyết huyền bí, tâm lý học: 07 tài liệu
- Tôn giáo: 01 tài liệu
- Khoa học xã hội: 177 tài liệu
- Ngôn ngữ: 01 tài liệu
- Công nghệ: 18 tài liệu
- Nghệ thuật: 01 tài liệu
- Văn học và tu từ học: 49 tài liệu
- Lịch sử, địa lý học và các ngành phụ trợ: 39 tài liệu

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

1. *Phát triển nguồn lực thông tin tại Thư viện Quân đội*: Luận văn thạc sĩ khoa học Thông tin - Thư viện chuyên ngành Thông tin - Thư viện: 60320203/ *Đỗ Phương Linh*.- 2018; H.: Đại học Văn hóa. - 143tr.; 30cm + + phụ lục

025.2/LAV.0009251

2. *Critical infrastructure protection in homeland security*: Defending a networked nation/ *Ted G. Lewis*. - 2nd ed..- New Jersey: Wiley, 2015. - 376p.; 29cm.

005.8/AV.0012196

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

3. *Bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ cấp xã ở tỉnh Yên Bái giai đoạn hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước/ *Phan Thị Trung Kiên*.- 2016; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 111tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

172.1/LAV.0009172

4. *Đắc nhân tâm*/ Dale Carnegie; First News dịch.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 267tr.; 15cm.

158.1/M.0169562 - M.0169563

5. *Triết học nhân sinh Mỹ và một số vấn đề nhân sinh cơ bản trong triết học Mỹ*/ Trịnh Sơn Hoan.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 190tr.; 21cm.

191/. 0079348 - .0079349; M.0169304 - M.0169305; MP.0031662 - MP.0031663

6. *Một số vấn đề về quan điểm thẩm mỹ trong giáo dục ở nước ta hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Ngọc Ánh, Phạm Tuấn Anh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 210tr.; 21cm.

111.850710597/.0079420 - .0079421; M.0169368 - M.0169369 - M.0169370

7. *Military psychology*. - 2002. - 96p.; 23cm.

150/AV.0012176

8. *The ethics of war*: Classic and contemporary readings/ *Gregory M. Reichberg, Henrik Syse, Endre Begby*.- Malden: Blackwell, 2006. - 731p.; 26cm.

172.42/AV.0012195

9. *The ethics of war and peace*: Cosmopolitan and other perspectives/ *Nigel Dower*.- Polity, 2009. - 220p.; 23cm.

172.42/AV.0012183

200 - TÔN GIÁO

10. Sự dung hợp giữa phật giáo và tín ngưỡng thời tứ pháp trong một số ngôi chùa ở Bắc Ninh: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Tôn giáo học 60220309/ Đỗ Văn Phong.- 2017; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 137tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

294.309597/LAV.0009174

300 – KHOA HỌC XÃ HỘI

11. Bác Hồ với cựu chiến binh Việt Nam: Chuyện kể/ Tạ Hữu Yên.- H., 201. - 110tr.; 21cm.

305.9069709597/.0079524 - .0079525; M.0169789 - M.0169790; MP.0032007 - MP.0032008

12. Bác Hồ với thanh thiếu nhi thế giới/ Trần Đương.- H.: Dân trí, 2018. - 197tr.; 19cm.

305.23/.0079518 - .0079519; M.0169757 - M.0169758; MP.0031985 - MP.0031986

13. Chuyện kể về Bác Hồ với tuổi trẻ Việt Nam/ Trần Đương.- H.: Dân trí, 2018. - 182tr.; 19cm.

305.23509597/.0079516 - .0079517; M.0169753 - M. 0169754; MP.0031981 - MP.0031982

14. Giáo trình Dân tộc học và tôn giáo học. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 127tr.; 27cm.

305.800711/M. 169543 - M.0169544 - M.0169545; V.0016429 - V.0016430

15. Ảnh hưởng của đặc điểm con người Việt Nam với quá trình hội nhập quốc tế: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: triết học/ Hoàng Thị Phương.- 2016; H.: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 85tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

305.89597/LAV.0009152

16. Phát triển đô thị trong nền kinh tế nổi kết/ Lê Thanh Hải.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 215tr.; 21cm.

307.7609597/.0079352 - .0079353; M.0169308 - M.0169309; MP.0031666 - MP.0031667

17. Vai trò và vị thế của nữ trí thức Việt Nam trong phát triển bền vững/ Đỗ Thị Thạch chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 321tr.; 24cm.

305.42/M.0169397 - M.0169398; MP.0031724 - MP.0031725; V.0016409 - V.0016410

18. Global information warfare: The new digital battlefield/ Andrew Jones, Gerald L. Kovacich. - Second edition.- 2016. - 363p.; 24cm.

303.4833/AV. 0012178

19. *Networks of rebellion*: Explaining insurgent cohesion and collapse/ *Paul Staniland*.- New York: Cornell University, 2014. - 300p.; 24cm.

303.64/AV.0012223

320 – Khoa học chính trị

20. *Bóng ma chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên*. - 2018; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 280tr.

327.519/T.0023903

21. *C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng đảng*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Thắng chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 214tr.; 21cm.

324.2075/.0079470 - .0079471; LC 12008

22. *Cái bẫy trên biển Đông của Trung Quốc*/ *Dương Quốc Chính*.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 58tr.

327.51/T.0023897

23. *Cạnh tranh Trung – Mỹ ở khu vực Châu Phi*/ *Đoàn Huy Khoa*.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 60tr.

327.51073/T.0023898

24. *Chất lượng các đảng bộ doanh nghiệp quốc phòng - an ninh ở Tổng cục Công nghiệp quốc phòng giai đoạn hiện nay*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước/ *Nguyễn Nhuận Tuấn*.- 2017; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 124tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

324.2597075/LAV.0009148

25. *Chiến lược "Diễn biến hòa bình" - Nhận diện và đấu tranh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 198tr.; 21cm.

T.8.- 2018

320.4597/.0079406 - .0079407; M. 0169347 - M. 0169348 - M. 0169349

26. *Chính sách đối ngoại của nước Mỹ đối với Nga và bốn khía cạnh trong quan hệ Mỹ - Nga*/ *Dương Quốc Chính*.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 63tr.

327.73047/T.0023911

27. *Chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình*. - 2018; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 82tr.

327.51/T.0023902

- 28. Có hay không hy vọng cho chính sách đối ngoại của EU? / Dương Quốc Chính.-** 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 62tr.
327.4/T.0023910
- 29. Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới ở các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện thành phố Hải Phòng hiện nay:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước/ *Trần Thị Lan Hương*.- 2017; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 99tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
324.2597075/LAV.0009171
- 30. Công tác Đảng, công tác chính trị trong một số nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở xã, phường, thị trấn.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 171tr.; 21cm.
324.2597075/.0079294 - .0079295; MP.0031606 - MP.0031607
- 31. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ diện ban thường vụ Quận ủy quản lý thành phố Hải phòng giai đoạn hiện nay:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước/ *Nguyễn Thị Diệu Linh*.- 2017; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 114tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
324.2597075/LAV.0009146
- 32. Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng ở cơ sở trong Đảng bộ Quân đội.** - H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 153tr.; 19cm.
324.2597075/.0079476 - .0079477
- 33. Công tác tuyên truyền đối với đồng bào dân tộc thiểu số của đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn hiện nay:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước/ *Nguyễn Tiến Tuấn*.- 2016; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 98tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
324.2597075/LAV.0009173
- 34. Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo theo nguyên tắc, phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Hồ Chí Minh học/ *Nguyễn Thị Thu Hà*.- 2017; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 110tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
327.2/LAV.0009144
- 35. Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia/ Nguyễn Văn Dân.-** 2018; H.: Chính trị quốc gia. - 312tr.
320.12/T.0023913
- 36. Điều chỉnh chính sách biển Đông của Trung Quốc sau phán quyết của tòa trọng tài/ Đặng Trọng Anh.-** 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 90tr.

327.10951/T.0023891

37. Định hướng quan hệ Mỹ - ASEAN dưới thời tổng thống Donal Trump/ Hoàng Kim Trường.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 57tr.

327.73059/T.0023895

38. Đổi mới công tác vận động đồng bào theo đạo công giáo của các đảng bộ quận, huyện ở thành phố Hải phòng giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước/ *Trương Thúy Hà.-* 2017; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 109tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

324.2597075/LAV.0009175

39. Đại hội XIX Đảng cộng sản Trung Quốc: Tập Cận Bình củng cố quyền lực/ Hoàng Kim Trường.- H., 2018: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 304tr.

324.251075/T.0023901

40. Hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh ở Việt Nam/ Nguyễn Thúy Quỳnh chủ biên.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 335tr.; 21cm.

327.17/.0079522 - .0079523; M.0169780 - M.0169781

41. Hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong bảo đảm an ninh tuyến biên giới đất liền/ Bùi Nam Khánh.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 50tr.

327.5970596/T.0023892

42. Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Tân Minh / Lương Văn Tăng chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân. - 359tr.; 21cm.

324.25970750959731/.0079396 - .0079397; MP.0031704 - MP.0031705

43. Liệu Trung Quốc – Triều Tiên có kết thành trục mới/ Dương Quốc Chính.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 78tr.

327.510519/T.0023909

44. Mô thức quan hệ giữa Đảng cầm quyền và nhà nước ở Trung Quốc thực trạng và bài học/ Đặng Thanh Huyền.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 47tr.

324.251075/T.0023894

45. Phòng, chống "Diễn biến hòa bình" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Bá Dương chủ biên; Trần Đăng Thanh, Dương Quang Hiến.-* H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 248tr.; 20cm.

T.1: Phòng, chống "Diễn biến hòa bình" - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.- 2018

320.4597/. 0079408 - .0079409; M.0169350 - M.0169351 - M.0169352

46. Quan hệ Israel và Palestine: Châu Âu có thể thúc đẩy hòa bình/ Dương Quốc Chính.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 58tr.

327.5694/T.0023912

47. Quan hệ Trung – Mỹ liên quan đến quyền tự do hàng hải và hàng không: Phân tích quan điểm của Trung Quốc/ Vũ Trọng Ánh.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 53tr.

327.51073/T.0023906

48. Quy định chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 154tr.; 19cm.

324.2597075/.0079484 - .0079485; MP.0031843 - MP.0031844

49. Sức mạnh mềm của Pháp - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách tham khảo/ Trần Nguyên Khang.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 223tr.; 21cm.

327.43/.0079358 - .0079359; M.0169314 - M.0169315; MP.0031672 - MP.0031673

50. Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho Đảng viên mới/ Hồ Bá Vinh chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 322tr.; 19cm.

324.2597075/LC.0014666 - LC.0014667; M.0169380 - M.0169381 - M.0169382; MP.0031714 - MP.0031715

51. Tài liệu một số quy định, hướng dẫn về tổ chức Đảng, tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 272tr.; 19cm.

324.2597075/.0079428 - .0079429; MP.0031720 - MP.0031721

52. Tổng thống Putin với những thách thức trong nhiệm kỳ thứ tư/ Đặng Thanh Huyền.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 61tr.

320.9047/T.0023908

53. Trung - Nhật: Một cuộc chơi lớn khác ở Châu Á/ Dương Quốc Chính.- H., 2018: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 43tr.

327.51052/T.0023907

54. Trung Á trong chính sách của các nước lớn/ Đặng Thanh Huyền.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 76tr.

327.10958/T. 0023893

55. Trung Quốc sau Đại hội XIX/ Vũ Cao Định.- 2018; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 180tr.

324.251075/T. 0023916

56. Văn hóa đối ngoại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế: Sách chuyên khảo/ Vũ Trọng Lâm chủ biên. - Xuất bản lần 2 có chỉnh sửa, bổ sung.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 196tr.; 21cm.

327.597/.0079430 - .0079431; M.0169399 - M.0169400 - M.0169401; MP.0031726 - MP.0031727

57. *Vấn đề phát triển lý luận phòng, chống "Diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong tình hình mới*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Bá Dương chủ biên; Nguyễn Đức Độ, Nguyễn Mạnh Hương.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 258tr.; 20cm.
320.4597/.0079404 - .0079405; M.0169344 - M.0169345 - M.0169346
58. *Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 58tr.; 21cm.
320.1509597/.0079336 - .0079337; MP.0031648 - MP.0031649
59. *Cheap threats: Why the United States struggles to coerce weak states*/ Dianne Pfundstein Chamberlain.- Washington, DC: Georgetown University, 2016. - 270p.; 23cm.
327.1170973/AV.0012218
60. *Defeating ISIS: Who they are, how they fight, what they believe*/ Malcolm Nance.- New York: Skyhorse, 2016. - 505p.: + minh họa; 23cm.
327.117/AV.0012212
61. *Defending politics: Bernard Crick at the political quarterly*/ Stephen Ball.- Malden: Wiley-Blackwell, 2015. - 588p.; 25cm.
320/AV.0012191
62. *Defense of the West: NATO, The European Union and the transatlantic bargain*/ Stanley R. Sloan.- Manchester: Manchester University Press, 2016. - 382p.; 24cm.
327/AV.0012205
63. *Destined for war: Can America and China escape Thucydide's trap?*/ Graham Allison.- New York: Houghton Mifflin Harcourt, 2017. - 364p.; 24cm.
327/AV.0012211
64. *Dictators at war and peace*/ Jessica L. P. Weeks.- New York: Cornell University, 2014. - 247p.; 24cm.
321.90922/AV.0012226
65. *Easternization: Asia's rise and America's decline from Obama to Trump and beyond*/ Gideon Rachman.- Other Press. - 307p.; 24cm.
327/AV.0012209
66. *Fixing the facts: National security and the politics of intelligence*/ Joshua Rovner.- New York: Cornell University, 2011. - 263p.; 24cm.
327.1273/AV.0012220
67. *Global nuclear disarmament: Strategic, political, and regional perspectives*/ Nik Hynek, Michal Smetana.- Routledge, 2016. - 314p.; 24cm.
327.174/AV.0012186

330 – Kinh tế học

79. *Du lịch biển đảo khu vực Tây Nam Bộ trong hội nhập quốc tế*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế chính trị/ *Viên Văn Lâm*.- 2016; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 106tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

338.47915977/LAV.0009150

80. *Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia*/ *Trần Hữu Sâm chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 259tr.; 21cm

Lưu hành nội bộ

338.473550330597/.0079466 - .0079467; LC 12244 - LC 12245

81. *Không bao giờ là thất bại, tất cả là thử thách*/ *Chung Ju Yung; Lê Huy Khoa dịch*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 299tr.; 15cm.

338.76292092/M.0169564 - M.0169565

82. *Kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh ở tỉnh Kiên Giang*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế chính trị/ *Lưu Thế Cường*.- 2016; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 104tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

333.9164150959795/LAV.0009151

83. *Asia's latent nuclear powers: Japan, South Korean and Taiwan*/ *Mark Fitzpatrick*. - 176p.; 24cm.

333.7924/AV.0012185

84. *Divided loyalties: American Unions and the Vietnam war*/ *Frank Koscielski*.- New York: Routledge, 2015. - 195p.; 22cm.

331.880973/A.0013053

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

85. *Học tập và làm theo phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh*: Tài liệu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 59tr.; 19cm.

335.4346/.0079424 - .0079425; M.0169383 - M.0169384 - M.0169385

86. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản - Giá trị và sức sống trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*. - 2018; H.: Học viện Chính trị. - 524tr.

335.422/T.0023915

87. *Marx, Lenin and the science of revolution/ Max Eastman.*- New York: Routledge, 2017. - 267p.; 24cm.

335.4/AV.0012201

341 – Luật giữa các quốc gia

88. *Does peacekeeping work?: Shaping belligerents' choices after Civil war/ Virginia Page Fortna.*- New Jersey: Princeton University, 2008. - 214p.; 24cm.

341.584/AV.0012222

342 – Luật hiến pháp và hành chính

89. *Thực hiện pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ ở thành phố Hà Nội:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật/ *Phùng Mỹ Nga.*- 2017; H.: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 105tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

342.085/LAV.0009153

343 – Luật quân sự, Quốc phòng, tài sản công, tài chính công thuế, thương mại, công nghiệp

90. *Luật an ninh mạng.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 67tr.; 19cm.

343.59709990/.0079368 - .0079369; M.0169322 - M. 0169323; MP.0031684 - MP.0031685

91. *Thông tư quy định tiêu chuẩn bậc kỹ thuật nhân viên bảo quản, thủ kho chuyên ngành kỹ thuật tăng thiết giáp.* - H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 28tr.; 19cm.

Lưu hành nội bộ

343.59701/.0079480 - .0079481; LC 13405 - LC 13406

92. *The secret army - Chiang Kai-Shek and the drug warlords of the golden triangle:* Chiang Kai-Shek and the drug warlords of the golden triangle/ *Richard M. Gibson, Wenhua Chen.*- New Jersey: Wiley, 2011. - 338p.; 23cm.

343.45/AV.0012190

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

93. *Luật Bảo hiểm xã hội và nghị định quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.* - H.: Dân trí, 2018. - 158tr.; 19cm.

344.59702/.0079514 - .0079515; M.0169751 - M. 0169752; MP.0031979 - MP.0031980

94. *Luật thể dục, thể thao (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2018).* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 68tr.; 19cm.

344.597099/.0079364 - .0079365; M.0169320 - M.0169321; MP.0031678 - MP.0031679

345 – Luật hình sự

95. Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (Hiện hành) (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)/ Nguyễn Đức Mai chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 1239tr.; 27cm.

345.597/M.0169395 - M.0169396; MP.0031722 - MP. 0031723; V.0016407 - V.0016408

346 – Luật tư

96. Luật đo đạc và bản đồ. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 75tr.; 19cm.

346.597044/.0079362 - .0079363; M.0169318 - M. 0169319; MP.0031676 - MP.0031677

97. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 27tr.; 19cm.

346.597045/.0079366 - .0079367; M.0169541 - M.0169542; MP.0031680 - MP.0031681 - MP.0031682 - MP.0031683

98. Tìm hiểu về luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Hiện hành)/ Nguyễn Quang Tuyến.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 51tr.; 19cm.

Chủ biên.- 2018

346.5970652/.0079370 - .0079371; M.0169324 - M.0169325; MP.0031686 - MP.0031687

347 – Thủ tục tố tụng dân sự và tòa án

99. Cơ sở lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật/ Trần Thế Mạnh.- 2016; H.: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 104tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

347.597/LAV.0009155

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

100. Bay vào vũ trụ: Chuyện kể về phi công vũ trụ - 3 lần Anh hùng - Trung tướng Phạm Tuân/ Nguyễn Công Huy.- H.: Thanh niên, 2018. - 292tr.; 19cm.

355.0092/M.0169800 - M.0169801 - M. 0169802; MP.0032015 - MP.0032016

101. Biên niên sự kiện Cục Chính trị Bộ Tổng tham mưu (1948 - 2018). / Trần Văn Tráng chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 655tr.; 22cm.

355.009597/.0079374 - .0079375; MP.0031690 - MP.0031691

102. *Cách đánh mục tiêu bay thấp của lực lượng phòng không trên hướng chủ yếu trong phòng thủ quân khu*: Luận án tiến sĩ quân sự.- 1999; H.: Học viện Quốc phòng. - 125tr.; 30cm + + phụ lục

355.42309597/LAV.0009256

103. *Cập nhật tình hình an ninh chính trị và nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở địa phương, cơ quan, tổ chức*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 82tr.; 21cm.

355.03/.0079338 - .0079339;MP.0031650 - MP.0031651

104. *Chi nhánh ven biển 30 năm xây dựng và phát triển - Biên niên sự kiện (1988 - 2018)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 305tr.; 21cm.

355.009597/.0079394 - .0079395; MP.0031702 - MP. 0031703

105. *Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ năm 2017/ Vũ Cao Định*.- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 87tr.

355.033073/T.0023899

106. *Chiến tranh với Trung Quốc- xem xét những điều không tưởng/ Hoàng Kim Trường*.- 2018; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 87tr.

355.02/T.0023896

107. *Công tác tham mưu huấn luyện dân quân tự vệ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 59tr.; 21cm.

355.5/.0079344 - .0079345; MP.0031656 - MP.0031657

108. *Cơ sở lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật của cảnh sát biển trên vùng biển vịnh Bắc Bộ, Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật/ *Trần Văn Lượng*.- 2017; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 99tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

359.009597/LAV.0009145

109. *Cục thi hành án - Biên niên sự kiện (Giai đoạn 2013 - 2018)/ Lê Tiến Dũng chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 99tr.; 21cm.

355.009597/.0079382 - .0079383; MP.0031694 - MP.0031695

110. *Dân quân tự vệ làm công tác dân vận*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 87tr.; 21cm.

355.37/.0079340 - .0079341; MP.0031652 - MP.0031653

111. *Dân quân tự vệ tham gia phòng thủ dân sự*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 21cm.

T.1. - 167tr.

355.5/.0079310 - .0079311;MP.0031622 - MP.0031623

T.2. - 162tr.

355.5/.0079308 - .0079309;MP.0031620 - MP.0031621

112. Đề cương tuyên truyền Lữ đoàn 146 vùng 4 hải quân 40 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng, trưởng thành (8.5.1978 - 8.5.2018). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 59tr.; 19cm.

359.009597/.0079426 - .0079427; M.0169392 - M. 0169393 - M.0169394

113. Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 21cm.

T.11. - 471tr.

355.009597/.0079386 - .0079387; M.0169335 - M.0169336 - M.0169337

T.12. - 595tr.

355.009597/.0079378 - .0079379; M.0169329 - M.0169330 - M.0169331

T.13. - 611tr.

355.009597/.0079388 - .0079389; M.0169338 - M.0169339 - M.0169340

114. Giáo dục chính trị - pháp luật. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 306tr.; 21cm.

355.007/.0079314 - .0079315; MP.0031626 - MP. 0031627

115. Hành chính công và quản trị công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách tham khảo/ Nguyễn Trọng Bình.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 319tr.; 21cm.

351.597/.0079432 - .0079433; M.0169402 - M.0169403; MP.0031728 - MP.0031729

116. Huấn luyện dân quân tự vệ pháo binh. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 202tr.; 21cm.

T.1.- 2018

355.5/.0079302 - .0079303; MP.0031614 - MP.0031615

117. Huấn luyện dân quân tự vệ phòng không. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 199tr.; 21cm.

T.2.- 2018

355.5/.0079312 - .0079313; MP.0031624 - MP.0031625

118. Huấn luyện dân quân tự vệ thông tin. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 163tr.; 21cm.

355.5/.0079298 - .0079299; MP.0031610 - MP.0031611

119. Huấn luyện dân quân tự vệ y tế. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 95tr.; 21cm.

355.5/.0079306 - .0079307; MP.0031618 - MP.0031619

120. Huấn luyện hậu cần, kỹ thuật. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 74tr.; 21cm.

355.5/.0079296 - .0079297; MP.0031608 - MP.0031609

121. Hướng dẫn soạn thảo văn kiện kỹ thuật cấp quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh, thành phố. - H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 239tr.; 27cm.

- Lưu hành nội bộ
355.609597/LCV 1415 - LCV 1416; V.0016433 - V. 0016434
- 122. *Hướng dẫn sử dụng, bảo quản phương tiện kỹ thuật - vật tư xăng dầu.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 304tr.; 27cm.
 T.2.- 2018
355.8/M.0169326 - M.0169327 - M.0169328; V.0016405 - V.0016406
- 123. *Hướng dẫn sử dụng trường bắn ảo; Thiết bị bắn tập MBT-03, SN-K54.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 71tr.; 21cm.
355.5/.0079346 - .0079347; MP.0031658 - MP.0031659
- 124. *Hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động trong quân đội/ Nguyễn Thọ Lộ chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 674tr.; 27cm.
355.88/V.0016437 - V.0016438
- 125. *Kỹ thuật công sự, nguy trang.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 102tr.; 21cm.
355.544/.0079328 - .0079329; MP.0031640 - MP. 0031641
- 126. *Lịch sử Đảng bộ Bộ Tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng (1945 - 2005)/ Nguyễn Huy Tín chủ biên; Trần Minh Cao biên soạn.***- H.: Quân đội nhân dân, 2011. - 567tr.; 21cm.
 Lưu hành nội bộ
 T.1 : Đảng bộ Bộ Tổng Tham mưu trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975).- 2011
355.009597/.0079462 - .0079463; LC 11624
- 127. *Lịch sử hải đoàn 129 hải quân (1978 - 2018)/ Biên soạn: Nguyễn Tấn Lực, Tô Hải Nam, Phạm Văn Quý.***- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 265tr.; 21cm.
358.009597/.0079384 - .0079385; MP.0031696 - MP.0031697
- 128. *Lịch sử Lữ đoàn Hải quân đánh bộ 147 (1978 - 2018).*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 231tr.; 21cm.
359.9609597/.0079400 - .0079401; MP.0031706 - MP.0031707
- 129. *Lịch sử sư đoàn phòng không 377 (1968 - 2018)/ Nguyễn Ngọc Hải chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 699tr.; 22cm.
358.009597/.0079372 - .0079373; MP.0031688 - MP.0031689
- 130. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 3 sư đoàn 330, quân khu 9 (1968 - 2018).*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 429tr.; 21cm.
356.109597/.0079390 - .0079391; MP.0031698 - MP.0031699
- 131. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 246 đoàn Tân Trào (1948 - 2018).*** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 515tr.; 22cm.

356.109597/.0079376 - .0079377;MP.0031692 - MP.0031693

132. *Lịch sử Trung đoàn Vận tải 652 (1978 - 2018).* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 279tr.; 21cm.

358.2509597/.0079402 - .0079403;MP.0031708 - MP.0031709

133. *Lịch sử Viện Y học cổ truyền Quân đội (1978 - 2018)/ Ngô Đức Trân chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 587tr.; 21cm.

355.009597/.0079392 - .0079393; MP.0031700 - MP.0031701

134. *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền biển, đảo của Quân chủng Hải quân hiện nay:* Sách chuyên khảo/ Nguyễn Hữu Bình chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 198tr.; 21cm.

359.009597/LC 11831 - LC 11832; MP.0031834 - MP.0031835

135. *Nâng cao chất lượng ngày chính trị và văn hóa tinh thần ở đơn vị cơ sở trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2014. - 119tr.; 21cm.

355.12/.0079474 - .0079475

136. *Nâng cao năng lực đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận của giảng viên ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay:* Sách chuyên khảo/ Phan Sĩ Thanh chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 150tr.; 21cm.

355.00711597/.0079418 - .0079419; M.0169365 - M.0169366 - M.0169367

137. *Nâng cao năng lực thực hành dân chủ của học viên đào tạo kỹ sư quân sự ở Học viện Kỹ thuật Quân sự hiện nay:* Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Tô Thanh Tùng.- 2016; Hà Nội: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - 86tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.109597/LAV.0009149

138. *Những cánh bay trưởng thành từ Trường Không quân Liên Xô/ Biên soạn: Trần Việt, Nguyễn Văn Quang, Trần Ngọc Hiệp...*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 327tr.; 21cm.

358.400922597/.0079412 - .0079413;M.0169356 - M.0169357 - M.0169358

139. *Những cánh bay trưởng thành từ Trường Không quân Trung Quốc/ Biên soạn: Trần Việt, Nguyễn Văn Quang, Trần Ngọc Hiệp...*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 163tr.; 21cm.

358.400922597/.0079414 - .0079415; M.0169359 - M.0169360 - M.0169361

140. *Phân tích chính sách quân sự của chính quyền Mỹ/ Đặng Thanh Huyền.*- 2018; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 66tr.

355.03373/T.0023904

- 149. *Quản lý nhà nước về văn hóa ở thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên*:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ *Trịnh Đức Hạnh*.- 2017; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 120tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
353.709597177/LAV.0009161
- 150. *Quản lý nhà nước về văn hóa ở thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa*:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ *Phạm Khánh Hoàng*.- 2017; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 121tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
353.70959741/LAV.0009170
- 151. *Quản lý nhà nước về văn hóa ở thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa*:** Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý Văn hóa/ *Nguyễn Thị Thu Thảo*.- 2016; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 143tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
353/LAV.0009156
- 152. *Quốc phòng*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 21cm.
T.1. - 267tr.
355.03309597/.0079324 - .0079325; MP.0031636 - MP.0031637
T.2. - 202tr.
355.03309597/.0079322 - .0079323; MP.0031634 - MP.0031635
T.3. - 135tr.
355.03309597/.0079320 - .0079321; MP.0031632 - MP.0031633
T.4. - 134tr.
355.03309597/.0079318 - .0079319; MP.0031630 - MP.0031631
T.5. - 248tr.
355.03309597/.0079316 - .0079317; MP.0031628 - MP.0031629
- 153. *Quy định nội dung, trình tự lập và phê chuẩn kế hoạch hoạt động của dân quân tự vệ*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 119tr.; 21cm.
355.3709597/.0079326 - .0079327; MP.0031638 - MP.0031639
- 154. *Tài liệu bổ trợ học tập chính trị năm 2018*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 274tr.; 19cm.
355.007/.0079422 - .0079423; M.0169374 - M.0169375 - M.0169376
- 155. *"Thư gửi Hội nghị chính trị viên" của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lịch sử và hiện thực*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 455tr.; 21cm
Lưu hành nội bộ
355.009597/MP.0031836 - MP.0031837
- 156. *Tìm hiểu văn hóa quân sự Hồ Chí Minh***/ *Nguyễn Văn Hữu chủ biên, Lê Huy Bình*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 175tr.; 21cm.

355.009597/.0079350 - .0079351; M.0169306 - M.0169307; MP.0031664 - MP.0031665

157. Tổ chức, phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu dân quân tự vệ. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 70tr.; 21cm.

355.5/.0079330 - .0079331; MP.0031642 - MP.0031643

158. Trường Không quân Serov A.K. Krasnodar: Một thời tuổi trẻ: Kỷ yếu cựu học viên Việt Nam.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 595tr.; 21cm.

358.400922597/.0079380 - .0079381; M.0169332 - M.0169333 - M.0169334

159. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh nhân dân trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc/ Bùi Văn Nam.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 324tr.; 21cm.

355.0330597/.0079360 - .0079361; M.0169316 - M.0169317; MP.0031674 - MP.0031675

160. Từng người, tổ dân quân tự vệ chiến đấu. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 122tr.; 21cm.

355.5/.0079304 - .0079305; MP.0031616 - MP.0031617

161. Vận dụng tư tưởng chiến thuật một diệt bốn cắt vào chiến tranh bảo vệ tổ quốc: Luận án phó tiến sĩ khoa học quân sự chuyên ngành Chiến thuật: 60104/ Nguyễn Chu Phác.- 1996; H.: Học viện Quốc phòng. - 117tr.; 30cm + + phụ lục

355.42309597/LAV.0009255

162. Vấn đề phát triển tư duy lý luận của chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ Đỗ Ngọc Hạnh.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 175tr.; 21cm.

355.009597/.0079416 - .0079417; M.0169362 - M.0169363 - M.0169364

163. Võ thuật dân quân tự vệ. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 63tr.; 21cm.

355.5/.0079342 - .0079343; MP.0031654 - MP.0031655

164. Xây dựng phong cách làm việc của chính ủy trung đoàn bộ binh trong quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 225tr.; 21cm.

356.109597/.0079472 - .0079473

165. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp ở Công ty TNHH một thành viên 319.3 thuộc Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ Nguyễn Thị Lệ.- 2016; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 134tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.009597/LAV.0009168

- 166. *America, Sea power, and the world/ James C. Bradford.***- Malden: Wiley Blackwell, 2016. - 379p.; 25cm.
35900973/AV.0012192
- 167. *American commander: Serving a country worth fighting for and training the brave soldiers who lead the way/ Ryan Zinke, Scott McEwen.***- 2016. - 255p.; 24cm.
359.90973/AV.0012179
- 168. *China's Evolving military strategy/ Joe McReynolds.***- Washington: The Jamestown Foundation, 2016. - 423p.; 23cm.
355.00951/AV.0012206
- 169. *Composite warfare - The conduct of successful ground force operations in Africa/ Eeben Barlow.***- Pinetown: 30 South Publisher, 2016. - 535p.; 23cm.
355.0096/AV.0012227
- 170. *Defense spending, natural resources, and conflict/ Christos Kollias, Hamid E. Ali.***- London: Routledge, 2016. - 135p.; 25cm.
355.622/AV.0012194
- 171. *Introduction to homeland defense and defense support of civil authorities (DSCA): The U.S military's role to support and defend/ Bert B. Tussing, Robert McCreight.***- Boca Raton: CRC Press, 2015. - 198p.; 26cm.
35500973/AV.0012193
- 172. *Navy SEAL sniper: An intimate look at the sniper of the 21st century/ Navy SEALs Glen Doherty, Brandon Webb.***- New York: Skyhorse, 2011. - 238p.; 24cm.
359.00973/AV.0012208
- 173. *The causes of war/ David Sobek.***- Cambridge: Polity, 2009. - 229p.; 24cm.
355.027/AV.0012181
- 174. *The soul of armies: Counterinsurgency doctrine and military culture in the US and UK/ Austin Long.***- New York: Cornell University, 2016. - 275p.; 23cm.
355.0218/AV.0012214
- 175. *US defense politics: The origins of security policy/ Harvey M. Sapolsky, Eugene Gholz, Caitlin Talmadge.***- 3rd ed..- London: Routledge, 2017. - 263p.; 25cm.
355.00973/AV.0012197
- 176. *War and the art of governance: Consolidating combat success into political victory/ Nadia Schadow.***- Washington DC: Georgetown University, 2017. - 321p.; 23cm.
355.0280973/AV.0012219

177. *Weapons of WWII*. - New York: Parragon, 2016. - 320p.; 20cm.
355.8/A.0013057

360 – Các vấn đề xã hội và dịch vụ xã hội

178. *Môi trường quanh ta/ Dương Văn Đảm*.- H.: Dân trí, 2018. - 282tr.; 21cm.
363.7/M.0169828 - M.0169829

179. *Quản lý hoạt động của Bảo tàng Công an Nhân dân*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ *Nguyễn Thanh Hoa*.- 2017; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 167tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
363.2074597/LAV.0009166

180. *Al Qaeda's global crisis*: The Islamic State, takfir, and the genocide of Muslims/ *V.G. Julie Rajan*.- Routledge, 2015. - 354p.; 24cm.
363.325/AV.0012189

181. *Biosecurity - Understanding, assessing, and preventing the threat* / *Ryan Burnette*.- New Jersey: Wiley, 2013. - 303p.; 24cm.
363.3253/AV.0012180

182. *Command and control*: Nuclear weapons, the damascus accident and the illusion of safety/ *Eric Schlosser*.- New York: Penguin Books, 2014. - 632p.; 22cm.
363.17/A.0013056

183. *Critical methods in terrorism studies*/ *Priya Dixit, Jacob L. Stump*.- Routledge, 2016. - 200p.; 24cm.
363.325/AV.0012187

184. *Making and unmaking nations: War, leadership, and genocide in modern Africa*/ *Scott Straus*.- New York: Cornell University, 2015. - 386p.; 24cm.
364.1510967/AV.0012224

185. *Terrorist recognition handbook*: A practitioner's manual for predicting and identifying terrorist activities/ *Malcolm W. Nance*. - Third Edition.- 2014. - 415p.; 26cm.
363.325/AV.0012177

186. *The ISIS apocalypse: The history, strategy, and doomsday vision of the islamic state*/ *William McCants*.- Picador, 2016. - 244p.; 21cm.
363.3250956/A.0013059

370 – Giáo dục

187. *Schools for conflict or for peace in Afghanistan/ Dana Burde.-* New York: Columbia University. - 211p.; 23cm.
370.9581/AV.0012217

400 - NGÔN NGỮ

188. *Giáo trình Tiếng Anh/ Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng.....- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 296tr.; 27cm.*
428.00711/M.0169546 - M.0169547 - M.0169548; V.0016431 - V.0016432

600 – CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

189. *Để nhận biết sức khỏe trong tương lai và cách phòng tránh/ Bích Hằng biên soạn.- H.: Thanh niên, 2017. - 191tr.; 19cm.*
613/M.0169759 - M.0169760 - M.0169761; MP.0031987 - MP.0031988

190. *VHDL trong thiết kế mạch và hệ thống số: Dành cho đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Tự động hóa/ Đỗ Đình Nghĩa chủ biên, Nguyễn Ngọc Hưng, Nguyễn Thị Lan Anh.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 352tr.; 29cm.*
619.8/M.0169549 - M.0169550 - M.0169551

615 – Dược lý học và điều trị học

191. *Một số chuyên đề nội khoa y học cổ truyền: Dành cho học viên sau đại học/ Nguyễn Minh Hà chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 274tr.; 27cm.*
Lưu hành nội bộ
615.8/MP.0031830 - MP.0031831; V 14100 - V 14101

616 – Các bệnh cụ thể

192. *Điều trị lở tiểu thấp bằng phẫu thuật một thì dùng vật da lưng dương vật có cuống mạch theo trục dọc: Luận án tiến sĩ y học chuyên ngành Phẫu thuật đại cương: 30121/ Lê Anh Tuấn.- 2000; H.: Học viện Quân y. - 126tr.; 30cm ++ phụ lục*
616.6/LAV.0009254

193. *Giáo trình tâm thần học - Psychiatry: Dành cho đào tạo trình độ Đại học/ Cao Tiến Đức chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 415tr.; 27cm.*
616.89/V.0016435 - V.0016436

194. Nghiên cứu chỉ định, kỹ thuật và kết quả điều trị sỏi thận bằng phương pháp tán sỏi ngoài cơ thể: Luận án tiến sĩ y học chuyên ngành Ngoại tiết niệu: 62720715/ Nguyễn Việt Cường.- 2010; H.: Học viện Quân y. - 133tr.; 30cm + + phụ lục
616.61/LAV.0009252

195. Phân tích hiệu quả và các biến chứng của phương pháp lấy sỏi thận qua da: Luận án tiến sĩ y học chuyên ngành Ngoại - Tiết niệu: 62720715/ Nguyễn Đình Xương.- 2008; Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh. - 139tr.; 30cm + + phụ lục
616.61/LAV.0009253

196. Trần dịch màng ngoài tim sau phẫu thuật tim: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Sinh Hiền.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 115tr.; 21cm.
616.12/M.0169574 - M.0169575 - M.0169576

197. Virus Rubella - Chẩn đoán và chẩn đoán trước sinh: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Duy Bắc, Trần Viết Tiến.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 107tr.; 21cm.
616.916/M.0169568 - M.0169569 - M.0169570

198. Trauma and the Vietnam war generation: Report of findings from the national Vietnam veterans readjustment study.- New York: Routledge, 2013. - 322p.; 23cm.
616.8521/AV.0012207

618 – phụ khoa, sản khoa, nhi khoa, lão khoa

199. Tư chứng Fallot: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Sinh Hiền.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 179tr.; 21cm.
618.9212/M.0169571 - M.0169572 - M.0169573

620 – Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc

200. Địa hình trinh sát phòng không. - H.: Quân đội nhân dân, 2011. - 166tr.; 19cm.
Lưu hành nội bộ
623.71/.0079478 - .0079479; LC 11700 - LC 11701; MP.0031841 - MP.0031842

201. Giáo trình thực hành vệ sinh quân sự: Dùng cho đào tạo trình độ Đại học/ Phạm Ngọc Châu chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 169tr.; 27cm.
623.75/M.0169552 - M.0169553 - M.0169554

202. Vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị cho dân quân tự vệ. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 31tr.; 21cm.
623/.0079332 - .0079333; MP.0031644 - MP.0031645

203. Vũ khí, phương tiện tiến công đường không của địch. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 75tr.; 21cm.

**204. *Vũ khí tự tạo*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 134tr.; 21cm.
623.4/.0079300 - .0079301; MP.0031612 - MP.0031613**

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

**205. *Nghĩ giàu làm giàu/ Napoleon Hill*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 399tr.; 15cm.
650.1/M.0169566 - M.0169567**

**206. *Quản lý nhân lực ở Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý kinh tế/ Nguyễn Thái Sơn.- 2016; H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. - 99tr.; 30cm
Phục vụ hạn chế
658.3/LAV.0009176**

700 - NGHỆ THUẬT

**207. *Di tích kiến trúc nghệ thuật Việt Nam/ Hoàng Duy biên soạn*.- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 188tr.; 21cm.
720.9597/.0079506 - .0079507;M.0169724 - M.0169725; MP.0031955 - MP.0031956**

800 - VĂN HỌC VÀ TU TỪ HỌC

**208. *Bá tước Môngtơ Crixto/ Alexandre Dumas; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 228tr.; 21cm.
843.7/M.0169708 - M.0169709; MP.0031939 - MP.0031940**

**209. *Hội chợ phù hoa/ William Makepeace Thackeray; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 235tr.; 21cm.
823.8/M.0169712 - M.0169713;MP.0031943 - MP.0031944**

**210. *Jên Eơ/ Charlottle Bronte; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 169tr.; 21cm.
823.8/M.0169718 - M.0169719; MP.0031949 - MP.0031950**

**211. *Không gia đình/ Hector Malot; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 210tr.; 21cm.
843/M.0169710 - M.0169711; MP.0031941 - MP.0031942**

**212. *Những người khốn khổ/ Victor Hugo; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 255tr.; 21cm.
843.8/M.0169696 - M.0169697; MP.0031927 - MP.0031928**

213. *Rôbinson phiêu lưu ký*/ Daniel Defoe; Vương Mộng Bưu dịch.- H.: Thanh niên, 2018. - 120tr.; 21cm.

823.5/M.0169714 - M.0169715; MP.0031945 - MP.0031946

214. *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*/ Colleen Mc Cullough; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi.- H.: Thanh niên, 2018. - 171tr.; 21cm.

823.3/M.0169716 - M.0169717; MP.0031947 - MP.0031948

215. *Trong gia đình*/ Hector Malot; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi.- H.: Thanh niên, 2018. - 120tr.; 21cm.

843.8/M.0169755 - M.0169756; MP.0031983 - MP.0031984

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

216. *Bị bỏ tù*: Tiểu thuyết/ Shanna Swenden; Phương Anh dịch.- H.: Văn học, 2018. - 432tr.; 21cm.

813.6/M.0169768 - M.0169769 - M. 0169770; MP. 0031995 - MP.0031996

217. *Tù chú lọ lem*: Tiểu thuyết/ Shanna Swenden; Nguyễn Thanh Tuyên dịch.- H.: Văn học, 2018. - 488tr.; 21cm.

813.6/M.0169771 - M.0169772 - M. 0169773; MP.0031997 - MP.0031998

218. *Họa vô đơn chí*: Tiểu thuyết/ Shanna Swendson; Phương Anh dịch.- H.: Văn học, 2018. - 428tr.; 21cm.

813.6/M.0169777 - M.0169778 - M. 0169779; MP.0032001 - MP.0032002

219. *Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyơ và Hắcphìn*/ Mark Twain; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi.- H.: Thanh niên, 2018. - 152tr.; 21cm.

813.4/M.0169706 - M.0169707; MP.0031937 - MP.0031938

220. *Nụ hôn trong mơ*: Tiểu thuyết/ Shanna Swenden; Nguyễn Thanh Tuyên dịch.- H.: Văn học, 2018. - 424tr.; 21cm.

813.6/M.0169774 - M.0169775 - M.0169776; MP. 0031999 - MP.0032000

221. *Thế giới thần tiên*: Tiểu thuyết/ Shanna Swendson; Nguyễn Thanh Tuyên dịch.- H.: Văn học, 2018. - 440tr.; 21cm.

813.6/M.0169791 - M.0169792 - M. 0169793; MP.0032009 - MP.0032010

222. *Tiếng gọi nơi hoang dã*/ Jack London; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi.- H.: Thanh niên, 2018. - 116tr.; 21cm.

813.52/M.0169698 - M.0169699; MP.0031929 - MP.0031930

223. *Tiểu thuyết Hemingway*/ Lê Đình Cúc.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 263tr.; 21cm.

813.52/M.0169764 - M.0169765; MP.0031991 - MP.0031992

224. *Tổ kiến lửa Texas*: Tiểu thuyết/ *Shanna Swendson*; *Phương Anh dịch*.- H.: Văn học, 2018. - 412tr.; 21cm.

813.6/M.0169797 - M.0169798 - M.0169799; MP. 0032013 - MP.0032014

225. *Truy lùng báu vật*: *Shanna Swendson*; *Nguyễn Thanh Tuyên dịch*.- H.: Văn học, 2018. - 420tr.; 21cm.

813.6/M.0169794 - M.0169795 - M.0169796; MP. 0032011 - MP.0032012

226. *Túp lều bác Tôm*: *Harriet Beecher Stowe*; *Ng. dịch: Bích Hiền, Mai Chi*.- H.: Thanh niên, 2018. - 124tr.; 20cm.

813/M.0169720 - M.0169721; MP.0031951 - MP. 0031952

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

227. *Ánh hào quang đã tắt*: Tản mạn, ghi chép/ *Nguyễn Văn Học*.- H.: Văn học, 2017. - 226tr.; 21cm.

895.9228408/M.0169743 - M.0169744; MP.0031973 - MP.0031974

228. *Biển đêm*: Tập truyện/ *Nguyễn Bảo*.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 258tr.; 19cm.

895.922334/M.0169748 - M.0169749 - M. 0169750; MP.0031977 - MP.0031978

229. *Chạm cốc với dòng sông*: Tản văn/ *Nguyễn Văn học*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 207tr.; 19cm.

895.9228408/M.0169389 - M.0169390 - M. 0169391; MP.0031718 - MP.0031719

230. *Dặm dài biên ải*: Tập truyện ngắn.- H.: Hồng đức, 2018. - 244tr.; 19cm.

895.92234/M.0169787 - M.0169788; MP.0032005 - MP.0032006

231. *Dòng sông màu mặn chín*: Tập truyện ngắn/ *Triệu Huấn*.- H.: Hồng đức, 2018. - 250tr.; 19cm.

895.92234/M.0169811 - M.0169812 - M.0169813; MP.0032021 - MP.0032022

232. *Đêm chiến tranh*: Tập truyện ngắn.- H.: Văn học, 2018. - 290tr.; 19cm.

895.92234/M.0169782 - M.0169783 - M.0169784; MP.0032003 - MP.0032004

233. *Đường về nhà xa lắm...*: Tản văn, truyện, ký/ *Nguyễn Kỳ Văn*.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 279tr.; 19cm.

895.9228408/M.0169740 - M.0169741 - M. 0169742; MP.0031971 - MP.0031972

234. *Gom nhặt cuối mùa*: Thơ/ *Nguyễn Thành Chung*.- H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 67tr.; 18cm

895.92214/LC 13706 - LC 13707; MP.0031845 - MP.0031846

235. *Hiệp sĩ giữa đời thường*: Tiểu thuyết/ *Phạm Ngọc Chiêu*.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 276tr.; 19cm.

895.92234/M.0169805 - M.0169806 - M.0169807

236. *Hồng Lôu Mộng/ Tào Tuyết Cầ***n; Vương Mộng Bư****u dịch.- H.: Thanh niên, 2018. -**
144tr.; 21cm.

895.1348/M.0169700 - M.0169701;MP.0031931 - MP.0031932

237. *Lính sinh viên***: Truyện ký/ Chu Đức Tỉnh.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 150tr.;**
19cm.

895.9228403/M.0169371 - M.0169372 - M.0169373; MP.0031710 - MP.0031711

238. *Lời nói thẳng***: Tập bút ký chính luận/ Ma Văn Kháng.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018.**
- 259tr.; 21cm.

895.92283403/M.0169404 - M.0169405; MP.0031730 - MP.0031731

239. *Mối tình đầu***/ Ivan Sergeevich Turgenev; Ng.dịch: Lê Văn Viện, Mộng Quỳnh.- H.:**
Văn học, 2018. - 299tr.; 21cm.

891.733/M.0169803 - M.0169804; MP.0032017 - MP.0032018

240. *Mùa xuân trên con đường huyền thoại***: Tập truyện ký/ Nguyễn Duy Liễm.- H.:**
Quân đội nhân dân, 2018. - 158tr.; 19cm.

895.9228403/M.0169386 - M.0169387 - M. 0169388; MP.0031716 - MP.0031717

241. *Ngược xuôi trời***: Phóng sự, ký/ Trần Nguyễn Anh.- H.: Văn học, 2017. - 153tr.;**
21cm.

895.9228403/M.0169745 - M.0169746 - M.0169747; MP.0031975 - MP.0031976

242. *Người kiên cường***: Tập ký/ Nguyễn Liê****n.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 175tr.;**
19cm.

895.9228403/M.0169377 - M.0169378 - M. 0169379; MP.0031712 - MP.0031713

243. *Người mẹ***/ Maxim Gorky; Phan Thao dịch.- H.: Thanh niên, 2018. - 439tr.; 21cm.**

891.733/M.0169824 - M.0169825; MP.0032031 - MP.0032032

244. *Người ơi!... Có nhớ?...***: Tập truyện/ Phạm Ngọc Chiêu.- H.: Hồng đức, 2018. -**
257tr.; 19cm.

895.92234/M.0169808 - M.0169809 - M.0169810; MP.0032019 - MP.0032020

245. *Nhân sinh quan của Nguyễn Đình Chiểu và giá trị hiện thời của nó***: Luận văn thạc**
sĩ chuyên ngành: Triết học/ Trần Thị Phương Huỳnh.- 2017; H.: Học viện Chính trị quốc
gia Hồ Chí Minh. - 101tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

895.9221/LAV.0009154

246. *Những tấm gương bình dị mà cao quý***. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 215tr.;**
21cm.. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)

ĐTTS ghi: Báo Quân đội nhân dân

T.14.- 2018

895.9228403/.0079410 - .0079411; M.0169353 - M. 0169354 - M.0169355

247. Ông già Khóttabít / Laghin Ladari Iôxip; Ng.dịch: Bích Hiền, Mai Chi.- H., 201. - 172tr.; 21cm.

891.734/M.0169694 - M.0169695; MP.0031925 - MP.0031926

248. Tây Du Ký/ Ngô Thừa Ân; Vương Mộng Bưu dịch.- H.: Thanh niên, 2018. - 128tr.; 21cm.

895.1346/M.0169704 - M.0169705; MP.0031935 - MP.0031936

249. Thời tôi sống/ Trần Mai Hạnh.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 316tr.; 24cm.

895.92283403/M.0169302 - M.0169303; MP.0031660 - MP.0031661; V.0016403 - V.0016404

250. Thủy Hử/ Thi Nại Am; Vương Mông Bưu dịch.- H.: Thanh niên, 2018. - 112tr.; 21cm.

895.1344/M.0169702 - M.0169703; MP.0031933 - MP.0031934

251. Trăng đôi/ Hoàng Luận.- H.: Hồng đức, 2018. - 185tr.; 19cm.

895.92234/M.0169816 - M.0169817 - M.0169818; MP.0032025 - MP.0032026

252. Truyện chọn lọc Lep Tônxtôi/ Leo Tolstoy; Ng.dịch: Nguyễn Hải Hà, Thúy Toàn.- H.: Thanh niên, 2018. - 499tr.; 21cm.

891.733/M.0169766 - M.0169767; MP.0031993 - MP.0031994

253. Trường Sa ngày nay. - H.: Quân đội nhân dân, 2011. - 184tr.; 20cm.

895.9228403/.0079460 - .0079461

254. Tuyển truyện ngắn Alêchxandơ Puskin/ Aleksandr Sergeevich Puskin; Ng.dịch: Hoàng Tôn, Nguyễn Duy Bình, Cao Xuân Hạo....- H.: Thanh niên, 2018. - 398tr.; 21cm.

891.733/M.0169826 - M.0169827; MP.0032033 - MP.0032034

255. Tuyển truyện ngắn Macxim Gorki/ Maxim Gorki; Ng.dịch: Phạm Mạnh Hùng, Cao Xuân Hạo.- H.: Thanh niên, 2018. - 406tr.; 21cm.

891.733/M.0169822 - M.0169823; MP.0032029 - MP.0032030

256. Tuyển truyện ngắn Nicolai Gôgôn/ Nicolai Vasilevich Gogol; Ng.dịch: Văn Hoàng, Phạm Thủy Ba, Lê Đức Mẫn....- H., 201. - 375tr.; 21cm.

891.733/M.0169785 - M.0169786

900 - LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ HỌC VÀ CÁC NGÀNH PHỤ TRỢ

257. *Những kho báu của nhân loại di sản thế giới/ Bảo Long biên soạn.*- H.: Hồng đức, 2018.; 21cm.

T.1. - 207tr.

909/M.0169736 - M.0169737; MP.0031967 - MP.0031968

T.2. - 223tr.

909/M.0169734 - M.0169735; MP.0031965 - MP.0031966

T.3. - 227tr.

909/M.0169732 - M.0169733; MP.0031963 - MP.0031964

T.4. - 227tr.

909/M.0169730 - M.0169731; MP.0031961 - MP.0031962

T.5. - 207tr.

909/M.0169722 - M.0169723; MP.0031953 - MP.0031954

940 – Lịch sử châu Âu

258. *Fighting for MacArthur:* The Navy and Marine Corps' desperate defense of the Philippines/ *John Gordon.*- Maryland: Naval institute press, 2011. - 373p.; 24cm.

940.54/AV.0012184

259. *War revolution asiatic Russia/ Morgan Philips Price.*- London: Routledge, 2017. - 296p.; 24cm.

vol.3.- 2017

947.8/AV.0012200

950 – Lịch sử châu Á

260. *Anh hùng hào kiệt Việt Nam/ Vũ Thanh Sơn.* - Tái bản lần thứ 1.- H.: Công an nhân dân, 2018. - 727tr.; 24cm.

959.70099/M.0169830 - M.0169831 - M.0169832; V.0016439 - V.0016440

261. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh:* Kỷ yếu tọa đàm khoa học.- 2017; H.: Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch. - 181tr.

959.704092/T.0023914

262. *Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 ở Hậu Giang/ Biên soạn:* Nguyễn Văn Tình, Ngô Xuân Kính, Lâm Văn Minh. - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 248tr.; 21cm.

959.704332/M.0169555 - M.0169556

263. *Cuộc vượt ngục kỳ diệu/ Phan Đình.*- H.: Quân đội nhân dân, 2009. - 182tr.; 19cm.

959.7042/M.0169557 - M.0169558 - M.0169559; MP.0031840

264. *Di tích khảo cổ Việt Nam/ Nguyễn Lan Phương biên soạn.*- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 136tr.; 21cm.

959.7/.0079508 - .0079509; M.0169726 - M.0169727; MP.0031957 - MP.0031958

265. Di tích lịch sử - Văn hóa Việt Nam/ Nguyễn Lan Phương biên soạn.- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 216tr.; 21cm.

959.7/.0079510 - .0079511; M.0169728 - M.0169729; MP.0031959 - MP.0031960

266. Di tích thắng cảnh/ Minh Hạnh biên soạn.- H.: Văn hóa dân tộc, 2018. - 186tr.; 21cm.

959.7/.0079512 - .0079513; M.0169738 - M.0169739; MP.0031969 - MP.0031970

267. Điện biên Phủ/ Võ Nguyên Giáp. - Xuất bản lần thứ 8.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 551tr.; 21cm.

959.7041/.0079356 - .0079357; M.0169312 - M.0169313; MP.0031670 - MP.0031671

268. "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không" - Chiến thắng của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam: Tài liệu giáo dục, tuyên truyền kỷ niệm 40 năm chiến thắng "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không" (12-1972 - 12-2012).- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 95tr.; 19cm.

959.704331/.0079482 - .0079483; M.0169560 - M.0169561

269. Hồ Chí Minh - Từ hoạt động thực tiễn đến tư duy lý luận. / Nguyễn Trọng Phúc.- H.: Chính trị - Hành chính, 2011. - 379tr.; 21cm.

959.704092/.0079528 - .0079529; M.0169833 - M.0169834; MP.0032035 - MP.0032036

270. Miền Trung toàn thắng: Ký - Ghi chép.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 286tr.; 19cm.

959.704/.0079520 - .0079521; M.0169762 - M.0169763; MP.0031989 - MP.0031990

271. Nhân dân Pháp đoàn kết với Việt Nam trong đấu tranh thống nhất đất nước (1954 - 1975)/ Nguyễn Thị Hạnh.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 183tr.; 21cm.

959.7043344/.0079434 - .0079435; M.0169406 - M.0169407 - M.0169408; MP.0031732 - MP.0031733

272. Quản lý di sản văn hóa Hồ Chí Minh tại Bảo tàng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ Nguyễn Thị Hương Giang.- 2017; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 146tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

959.70068/LAV.0009164

273. Quản lý di tích Chủ tịch Cay Sỏn Phỏm Vi Hỏn ở thủ đô Viẻng Chỏn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý văn hóa/ Phoupha Hongcivilay.- 2016; H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - 158tr.; 30cm

Phục vụ hạn chế

959.40068/LAV.0009159

- 283. *"Việt minh hóa" trường Thanh niên Tiền tuyến Huế - 1945.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2012. - 230tr.; 21cm.
959.7040922/.0079468 - .0079469
- 284. *Việt Nam - Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm*** .- H.: Quân đội nhân dân, 2014. - 371tr.; 21cm.
 T.1 : Từ thế kỷ III Tr.CN đến nửa đầu thế kỷ X.- 2014
959.7/MP.0031832 - MP.0031833
- 285. *American reckoning - The Vietnam war and our national identity/ Christian G. Appy.***- New York: Penguin Books, 2015. - 397p.; 22cm.
959.704310973/A.0013052
- 286. *Ghosts of war in Vietnam/ Heonik Kwon.***- Cambridge: Cambridge University Press, 2013. - 222p.; 23cm.
959.7043/AV.0012225
- 287. *Iraq: The cost of war/ Jeremy Greenstock.***- London: Arrow Books, 2017. - 467p.; 20cm.
956.70443/A.0013058
- 288. *Israel since the Six-day war/ Leslie Stein.***- Polity, 2014. - 441p.; 24cm.
956.046/AV.0012182
- 289. *Silent heroes: A recon marine's Vietnam war experience/ Rick Greenberg.***- 2017. - 302p.; 23cm.
959.7043/AV.0012173
- 290. *The making of South East Asia/ G. Cœdès.***- New York: Routledge, 2015. - 268p.; 24cm.
 Vol. 4.- 2015
959/AV.0012204
- 291. *The search for tactical success in Vietnam - An anlysis of Australian task force combat operations/ Andrew Ross, Robert Hall, Amy Grffin.***- Cambridge: Cambridge University Press, 2015. - 302p.; 24cm.
959.7043394/AV.0012199
- 292. *The Vietnam war: A documentary reader/ Edward Miller.***- Malden: Wiley Blackwell, 2016. - 259p.; 23cm.
959.7043/AV.0012174
- 293. *Vietnam: Explaining America's lost war / Gary R. Hess.*** - 2nd ed..- Oxford: Wiley Blackwell, 2015. - 224p.; 23cm.
959.7043373/AV.0012175

2. Tiếng sấm Tây Nguyên. .- H.: Hồng đức, 2018. - 298tr.; 19cm.

959.7043/.0079526 - .0079527/M.0169814 -M. 0169815 /MP.0032023 - MP.0032024

Sách tập hợp các bài viết, bài trích từ hồi ký của các tướng lĩnh, các chiến sĩ - những người đã từng tham gia chiến đấu trên chiến trường Tây Nguyên như: "Đòn điểm huyết" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp do Phạm Chí Nhân thể hiện, "Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương với chiến dịch Tây Nguyên" của Đại tướng Hoàng Văn Thái do Trần Trọng Trung thể hiện, "Đòn đánh trúng huyết" của Đại tướng Văn Tiến Dũng, "Tham gia chiến dịch Tây Nguyên" của Đại tướng Chu Huy Mân do Lê Hải Triều thể hiện, "Buôn Ma Thuật kỳ tích về nghệ thuật nghi binh, bẫy địch" của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo do Duy Hữu ghi, "Thực hiện lời thề sắt son giải phóng Tây Nguyên" của Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp do Lê Hải Triều thể hiện,...

3. Terrorist recognition handbook: A practitioner's manual for predicting and identifying terrorist activities/ Malcolm W. Nance. - Third Edition.- Boca Raton: CRC Press, 2014. - 415p.; 26cm.

363.325/AV.0012177

Bộ cục cuốn sách gồm 06 phần với các nội dung như: cung cấp thông tin về chủ nghĩa khủng bố; cơ cấu tổ chức; cách thức lập kế hoạch; nguồn tài chính; các chiến thuật hoạt động để thực hiện tấn công của các hoạt động khủng bố, chiến thuật và phương thức tấn công mới nhất của al-Qaeda, các hoạt động khủng bố mới đang nổi lên như: hoạt động "Sói đơn độc" được tuyên truyền trên internet (đã được chứng minh trong vụ đánh bom Boston Marathon); bài học kinh nghiệm từ các hoạt động khủng bố gần đây, những thông tin về âm mưu khủng bố do FBI thu được...Cuốn sách giúp cho các nhà hoạt động tình báo, các cơ quan thực thi pháp luật, tình báo quân đội trong việc phát hiện và phá vỡ các âm mưu khủng bố.

Tác giả cuốn sách là một cựu chiến binh có hơn 30 năm tham gia chương trình chống khủng bố của cộng đồng tình báo Mỹ. Ông từng là nhà phân tích và người thẩm vấn trong Tình báo Hải quân... Ông dành 17 năm để triển khai các hoạt động tình báo chống khủng bố và chống khủng bố ở Balkans, Trung Đông và châu Phi cận Sahara để hỗ trợ trực tiếp cho các cơ quan chính của cộng đồng tình báo Mỹ. Ông đã chứng kiến, điều tra và tham gia các hoạt động ứng phó nhiều vụ khủng bố như: vụ đánh bom doanh trại lính thủy của Mỹ ở Beirut, Lebanon; vụ cướp TWA 847; cuộc không kích của Lybi; Chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất; âm mưu đánh bom thiên niên kỷ; cuộc tấn công ngày 11 tháng 9; và hàng trăm vụ đánh bom tự sát và tấn công khủng bố ở Irắc, Afghanistan, Lybi và Bán đảo Ả Rập... Ông được quốc tế công nhận là một chuyên gia, tác giả, nhà tư vấn và học giả về lĩnh vực này.